

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/DS-ST
Ngày 04 tháng 9 năm 2024
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Hiền và bà Bùi Thị Hà

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Phong – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 94/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Đặng Thị N**, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị D1, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum;

2. Chị Nguyễn Thị D2, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, B, S, Tuyên Quang.

4. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

5. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

6. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Hiện đang lao động tại Hàn Quốc.

7. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình

Người đại diện theo uỷ quyền của bà N, chị D1, chị D2, chị H: Ông Trần Văn G1, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N: Bà Tô Thanh H1, sinh năm 1983; Luật sư - Văn phòng luật sư Phạm H2 và cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh T. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – Bà Đặng Thị N trình bày:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đặng Thị N trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Bà và ông Nguyễn Văn D3 (đã chết ngày 07/01/1991) là vợ chồng và sinh được 03 người con là:

1. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1978, địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình;
2. Chị Nguyễn Thị D1, sinh năm 1980, địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn P, N, Kon Tum;
3. Chị Nguyễn Thị D2, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

*** Ông Nguyễn Văn D3 có bố là cụ Nguyễn Văn D4, sinh năm 1928, đã chết ngày 25/09/2013, có mẹ là cụ Ngô Thị T, sinh năm 1928, chết ngày 29/01/2011.**

***Cụ Nguyễn Văn D4 và cụ Ngô Thị T có 6 người con là:**

1. Ông Nguyễn Quang L, sinh năm 1950, là liệt sĩ hy sinh năm 1970.
2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954, địa chỉ: Thôn T, B, S, Tuyên Quang.
3. Ông Nguyễn Văn D3, sinh năm 1960, chết ngày 07/01/1991,
4. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1962, chết ngày 15/01/2016.

Ông Nguyễn Văn Đ1 có vợ là bà Lê Thị H3, sinh năm 1963 chết ngày 11/12/2023. Ông Nguyễn Văn Đ1 có 03 người con là: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, số hộ chiếu: C2656733, hiện đang lao động tại Hàn Quốc.

5. Bà Nguyễn Thị G2, sinh năm 1967, chết ngày 09/10/1989.

6. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Bà và ông Nguyễn Văn D3 có tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 1275, tờ bản đồ số 03 (400 m² diện tích đất thổ ở và 235 m² diện tích đất trồng cây lâu năm tạp) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 532661, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 63 QSDĐ/ do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình cấp ngày 11/07/1996 tại địa chỉ Xóm A, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Bà Nguyễn Thị M, Bà Lê Thị H3, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Đ đã từ chối nhận phần di sản thừa kế được hưởng từ phần thừa kế bố mẹ hưởng từ ông Nguyễn Văn D3 theo các văn bản từ chối đã được chứng thực.

Nay bà đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình:

1. Yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn D3 theo pháp luật là phần quyền sử dụng thửa đất số 1275, tờ bản đồ số 03 (400 m² diện tích đất thổ ở và 235 m² diện tích đất trồng cây lâu năm tạp) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 532661, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 63 QSDĐ/ do Ủy ban nhân

dân huyện T, tỉnh Thái Bình cấp ngày 11/07/1996 tại địa chỉ xóm A, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

2. Yêu cầu chia phần tài sản của bà Đặng Thị N trong khối tài sản chung của vợ chồng với ông Nguyễn Văn D3 đối với thửa đất số 1275, tờ bản đồ số 03 (400 m² diện tích đất thổ ở và 235 m² diện tích đất trồng cây lâu năm tạp) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 63 QSDĐ/ do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình cấp ngày 11/07/1996.

** Quá trình giải quyết vụ án, phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn – anh Nguyễn Văn D không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án, không có ý kiến trình bày.*

** Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến như sau:*

- **Chị Nguyễn Thị D1, chị Nguyễn Thị D2** uỷ quyền cho ông Trần Văn G1 tham gia tố tụng. Ông G1 trình bày nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà N, đề nghị chia di sản của ông D3 để lại và xin nhận di sản bằng hiện vật

- **Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn G trình bày:** Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn D4 và cụ Ngô Thị T là phần thừa kế mà cụ Nguyễn Văn D4 và cụ Ngô Thị T được hưởng từ ông Nguyễn Văn D3. Di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn D3 là phần quyền sử dụng đối với các thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 532661, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 63 QSDĐ/ do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình cấp ngày 11/07/1996, tại địa chỉ: Xóm A, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình. Bà M, ông G tự nguyện từ chối nhận toàn bộ phần di sản thừa kế mà ông bà được hưởng theo quy định đối với di sản nêu trên và xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa xét xử vụ án.

- **Anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn Đ trình bày:** Các anh chị là người thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ1. Di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ1 là phần thừa kế từ bố mẹ là cụ Nguyễn Văn D4 và cụ Ngô Thị T. Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn D4 và cụ Ngô Thị T là phần thừa kế mà cụ Nguyễn Văn D4 và cụ Ngô Thị T được hưởng từ ông Nguyễn Văn D3. Di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn D3 là phần quyền sử dụng đối với các thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 532661, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 63 QSDĐ/ do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình cấp ngày 11/07/1996, tại địa chỉ: Xóm A, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình. Anh S, chị H, anh Đ tự nguyện từ chối nhận toàn bộ phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ1 mà các anh chị được hưởng theo quy định đối với di sản nêu trên và xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa xét xử vụ án.

Kết quả xác minh tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình:

I. Về quan hệ nhân thân:

Ông Nguyễn Văn D3 và bà Đặng Thị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ trước năm 1978, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do trong quá trình sáp nhập xã nên tài liệu về việc đăng ký kết hôn của ông D3, bà N tại UBND xã bị thất lạc nên không thể cung cấp được cho Tòa án.

Ông D3 và bà N có 3 người con là:

1. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1978,

Theo xác nhận thông tin nơi cư trú: Anh Nguyễn Văn D có hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình tuy nhiên chỗ ở hiện tại của anh D là Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

2. Chị Nguyễn Thị D1, sinh năm 1980,
Địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn P, N, Kon Tum

3. Chị Nguyễn Thị D2, sinh năm 1983,
Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Ông Nguyễn Văn D3 có bố là cụ Nguyễn Văn D4, sinh năm 1928, đã chết ngày 25/09/2013 và mẹ là cụ Ngô Thị T, sinh năm 1928, chết ngày 29/01/2011.

Cụ D4 và cụ T có 6 người con là:

1. Ông Nguyễn Quang L, sinh năm 1950, là liệt sĩ hy sinh năm 1970. Ông L không có vợ con.

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954,
Địa chỉ: Thôn T, B, S, Tuyên Quang.

3. Ông Nguyễn Văn D3, sinh năm 1960, chết ngày 07/01/1991.

4. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1962, chết ngày 15/01/2016.

Ông Nguyễn Văn Đ1 có vợ là bà Lê Thị H3, sinh năm 1963 chết ngày 11/12/2023 và 03 người con là: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, HKTT: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình, hiện đang lao động tại Hàn Quốc.

Bố đẻ của bà Lê Thị H3 là cụ Đình Văn M1 chết năm 1982, mẹ đẻ của bà Lê Thị H3 là cụ Đào Thị L1 chết năm 2004.

5. Bà Nguyễn Thị G2, sinh năm 1967, chết ngày 09/10/1989. Bà G2 không có chồng, con.

6. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1970,
Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

II. Về nguồn gốc thửa đất các bên đang tranh chấp:

Thửa đất số 1275, tờ bản đồ số 03 tại địa chỉ Xóm A (thôn P), xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình có diện tích 635m² đất (gồm 400 m² đất thổ cư và 235m² đất trồng cây lâu năm) là tài sản chung của ông Nguyễn Văn D3 và Đặng Thị N đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 532661, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 63 QSDĐ/ do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình cấp ngày 11/07/1996 mang tên Phạm Thị D5.

Nguồn gốc thửa đất trên là tài sản chung của ông Nguyễn Văn D3 và Đặng Thị N. Trên đất có 01 căn nhà nhưng đã xuống cấp và bị sập từ khoảng 10 năm trước. Sau khi nhà sập, bà N vào trong Kon Tum sinh sống cùng chị D1. Hiện nay trên đất này không có nhà, không ai sử dụng.

III. Về hoà giải tranh chấp giữa các bên:

Do các đương sự không nộp đơn, không yêu cầu UBND xã giải quyết tranh chấp nên UBND không tổ chức hòa giải được.

*** Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 26/6/2024:**

- Thửa đất số 413 tờ bản đồ số 23 địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình
Phía Đông giáp đất giao thông
Phía Tây giáp nhà ông Phạm Văn H4

Phía Nam giáp đất giao thông

Phía Bắc giáp đất giao thông

Diện tích: 635m² trong đó:

Đất ở nông thôn 400m², đơn giá: 2.000.000đ/m² và đất trồng cây lâu năm 235m², đơn giá 135.000đ/m².

Tài sản trên đất: Trên đất không có công trình xây dựng, cây cối có giá trị nào.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử đúng theo quy định. Nguyên đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn anh Nguyễn Văn D không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định, không chấp hành các văn bản của Tòa án nên đề nghị giải quyết vắng mặt bị đơn. Về nội dung, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xác định tài sản riêng của bà N trong khối tài sản chung với ông Nguyễn Văn D3 là ½ diện tích đất 635m² trong đó có Đất ở nông thôn 400m² và đất trồng cây lâu năm 235m²; Chia di sản của ông Nguyễn Văn D3 để lại cho đồng thừa kế, do những đồng thừa kế khác đã từ chối nhận thừa kế nên chia di sản của ông D3 cho bà N, anh D, chị D1, chị D2 bằng hiện vật theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy, nguyên đơn là bà Đặng Thị N khởi kiện tranh chấp về thừa kế di sản là Thừa đất số 413 tờ bản đồ số 23 địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình. Trong vụ án có chị Nguyễn Thị H hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc nên nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Nguyễn Văn D3 chết ngày 07/01/1991. Ngày 20/10/2023 bà N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không ai có yêu cầu áp dụng thời hiệu, toàn bộ diện tích đất hiện không ai quản lý, chưa chia. Do đó, thời hiệu chia di sản của ông D3 vẫn còn theo quy định tại các Điều 149, 623, 688 Bộ luật Dân sự 2015

[3] Về việc xác định tư cách tham gia tố tụng: Bà N khởi kiện yêu cầu chia phần tài sản chung của bà và yêu cầu chia thừa kế phần di sản của ông D3 đối với T1 đất số 413 tờ bản đồ số 23 địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình. Ông Nguyễn Văn D3 và bà Đặng Thị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ trước năm 1978, là hôn nhân thực tế và hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Bà N được hưởng di sản của ông D3 để lại. Ông D3 và bà N có 3 người con là: anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị D1, chị Nguyễn Thị D2 nên anh D, chị D2, chị D1 được hưởng di sản và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ông Nguyễn Văn D3 có bố là cụ Nguyễn Văn D4, sinh năm 1928, đã chết ngày 25/09/2013 và mẹ là cụ Ngô Thị T, sinh năm 1928, chết ngày 29/01/2011. Do ông D3 chết trước cụ D4, cụ T nên các đồng thừa kế của cụ D4, cụ T là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Các đồng thừa kế của cụ D4, cụ T đều đã có văn bản từ chối nhận di sản của ông D3

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng

vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N:

[2.1] Về chia tài sản chung:

Theo tài liệu do nguyên đơn giao nộp và kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Thửa đất số 1275, tờ bản đồ số 03 tại địa chỉ Xóm A (thôn P), xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình có diện tích 635m² đất (gồm 400 m² đất thổ cư và 235m² đất trồng cây lâu năm) là tài sản chung của ông Nguyễn Văn D3 và Đặng Thị N đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 532661, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 63 QSDĐ/ do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình cấp ngày 11/07/1996 mang tên Phạm Thị D5. Nguồn gốc thửa đất trên là tài sản chung của ông Nguyễn Văn D3 và Đặng Thị N. Trên đất có 01 căn nhà nhưng đã xuống cấp và bị sập từ khoảng 10 năm trước. Sau khi nhà sập, bà N vào trong Kon Tum sinh sống cùng chị D1. Hiện nay trên đất này không có nhà, không ai sử dụng. Do đó, có căn cứ xác định ông D3 và bà N có tài sản chung là 635m² đất (gồm 400 m² đất thổ cư và 235m² đất trồng cây lâu năm tạp). Theo quy định tại các Điều 29, 33 Luật hôn nhân và gia đình thì bà N có tài sản riêng trong khối tài sản chung là $\frac{1}{2}$ tổng diện tích đất là 635 m², trong đó có đất ở nông thôn 400 m² và đất trồng cây lâu năm 235 m² là 200 m² đất ở nông thôn và 117,5 m² đất trồng cây lâu năm. Ông D3 chết năm 1991 nên phần tài sản của ông D3 trong khối tài sản chung là di sản để lại tương ứng là 200 m² đất thổ cư và 117,5 m² đất trồng cây lâu năm tạp. Phần tài sản của bà N trong khối tài sản chung là 200 m² đất thổ cư và 117,5 m² đất trồng cây lâu năm, không có tài sản trên đất

[2.1] Về chia di sản

Ông D3 chết không để lại di chúc do đó phải chia di sản của ông D3 theo pháp luật được quy định tại các Điều 611, 614, 649, 650 và 651 Bộ luật dân sự năm 2015. Ông D3 chết năm 1991 trước khi cụ D4, cụ T nên bà N, anh D, chị D1, chị D2, cụ D4, cụ T là hàng thừa kế thứ nhất của ông D3. Do cụ T, cụ D4 đã chết nên các hàng thừa kế của cụ D4, cụ T được hưởng phần di sản mà cụ D4, cụ T được hưởng. Tuy nhiên những người thừa kế của cụ D4, cụ T và những người thừa kế kế vị của các đồng thừa kế đã chết đều đã từ chối nhận di sản, vì vậy cần chia di sản của ông D3 cho bà N, anh D, chị D1, chị D2 tương ứng với mỗi người được hưởng 50 m² đất thổ cư và 29,3 m² đất trồng cây lâu năm.

Xét di sản có thể chia bằng hiện vật nên chia cho anh D được sử dụng 79,3 mét vuông trong đó có 50 m² đất thổ cư và 29,3 m² đất trồng cây lâu năm trị giá 103.955.000 đồng

Bà N được hưởng phần tài sản riêng là 200 m² đất thổ cư và 117,5 m² đất trồng cây lâu năm và phần di sản được hưởng của ông D là 50 m² đất thổ cư và 29,3 m² đất trồng cây lâu năm. Tổng bà N được sử dụng 250 m² đất thổ cư và 146,8 m² đất trồng cây lâu năm trị giá 519.818.000 đồng. Chị D1 được sử dụng 79,3 m² trong đó có 50 m² đất thổ cư và 29,3 m² đất trồng cây lâu năm trị giá 103.955.000 đồng. Chị D2 được sử dụng 79,3 m² trong đó có 50 m² đất thổ cư và 29,3 m² đất trồng cây lâu năm trị giá 103.955.000 đồng

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà N tự nguyện

chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, không yêu cầu chia. Bà N đã thanh toán xong.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo: Bà N là người cao tuổi đã có đơn xin miễn án phí, cần chấp nhận. Các đương sự khác phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 5 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 184; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 149, 150, 151; 609, 611, 612, 613, 620; 623, 649, 650, 651, 652; khoản 2, khoản 3 Điều 618 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 11, 100, 167, 188 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào điểm a khoản 7 Điều 27; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N về việc chia khối tài sản chung của ông Nguyễn Văn D3 bà Đặng Thị N và chia di sản của ông Nguyễn Văn D3 theo pháp luật, cụ thể như sau:

1.1 Chia khối tài sản chung của ông Nguyễn Văn D3 và bà Đặng Thị N là toàn bộ diện tích đất 635m², trong đó có đất ở nông thôn 400 m² và đất trồng cây lâu năm 235m² tại số thửa đất số 1275, tờ bản đồ số 03 tại địa chỉ Xóm A (thôn P), xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình. Bà Đặng Thị N có quyền quản lý sử dụng tài sản riêng trong khối tài sản chung là 200 m² đất ở nông thôn và 117,5 m² đất trồng cây lâu năm. Phần tài sản riêng của ông Nguyễn Văn D3 trong khối tài sản chung là 200 m² đất ở nông thôn và 117,5 m² đất trồng cây lâu năm.

1.2 Chia phần di sản của ông Nguyễn Văn D3 để lại là 200 m² đất ở nông thôn và 117,5 m² đất trồng cây lâu năm theo pháp luật cho bà Đặng Thị N, anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị D1, chị Nguyễn Thị D2. Mỗi người được hưởng 50 m² đất thổ cư và 29,3 m² đất trồng cây lâu năm.

1.3 Chia cho bà Đặng Thị N được sử dụng 250 m² đất thổ cư và 146,8 m² đất trồng cây lâu năm trị giá 519.980.000 đồng. Trong đó hưởng phần tài sản riêng của bà N là 200 m² đất thổ cư và 117,5 m² đất trồng cây lâu năm và phần di sản được hưởng của ông D là 50 m² đất thổ cư và 29,3 m² đất trồng cây lâu năm (có sơ đồ kèm theo bản án).

1.4 Chia cho anh Nguyễn Văn D được sử dụng 79,3 m² trong đó có 50 m² đất thổ cư và 29,3 m² đất trồng cây lâu năm trị giá 103.955.000 đồng (có sơ đồ kèm theo bản án).

1.5 Chia cho chị Nguyễn Thị D1 được sử dụng 79,3 m² trong đó có 50 m² đất thổ cư và 29,3 m² đất trồng cây lâu năm trị giá 103.955.000 đồng (có sơ đồ kèm theo bản án).

1.6 Chia cho chị Nguyễn Thị D2 được sử dụng 79,3 mét vuông trong đó có 50 m² đất thổ cư và 29,3 m² đất trồng cây lâu năm trị giá 103.955.000 đồng (có sơ đồ kèm theo bản án).

2. Bà Đặng Thị N, anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị D1, chị Nguyễn Thị D2 có

quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật

3. Về chi phí tố tụng: Bà Đặng Thị N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, đã nộp xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết

4 Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đặng Thị N, anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị D1, chị Nguyễn Thị D2 mỗi người phải chịu 5.197.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bà Đặng Thị N, chị Nguyễn Thị D2 có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/9/2024. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Trà, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Duy Luân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Duy Luân